

Số: 83/2023/QĐST-HNGĐ

Kiến Xương, ngày 15 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TH1ẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ TH1ẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 98/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: ông **Lê Nhật Th** sinh năm 1962

2. Bị đơn: bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1979

Đều ở địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị **Đỗ Thị H**: Luật sư Trần Văn S và Luật sư Vũ Văn, sinh năm 1991

Công ty Luật TNHH Hiệp - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Tầng *, số ..., đường T, Quận Cầu Giấy, TP H Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: + bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

+ Bà **Lê Thị Th1**, sinh năm 1952

Địa chỉ: thôn S, xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình

+ Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1955

+ Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1959

Đều ở địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải t Hnh ngày 07 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

H giải t Hnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Th1ận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Lê Nhật Th và bà Đỗ Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: bà Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Đức A, sinh ngày 08/11/2010, ông Lê Nhật Th góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà H 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/ tháng, kể từ tháng 9/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Ông Th và bà H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.2 Về tài sản chung: ông Lê Nhật Th được quyền sử dụng diện tích đất 473m² trong đó có 234, 4 m² đất ở và 238,6m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 18 tờ bản đồ số 18, thôn Đ, xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình, đất đã được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC***** ngày 22/12/2021, số vào sổ cấp GCN CH***** mang tên ông Lê Nhật Th và bà Đỗ Thị H có giá trị 126.765.000 (một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng; và được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản có trên diện tích đất, gồm: n H mái bằng hai tầng, nhà để xe, mái tôn phía sau nhà, mái tôn tầng 2, mái tôn chống nóng tầng 2, bể nước, sân gạch, cổng, tường bao có giá trị 589.140.000 (năm trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Bà Đỗ Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 150m² đất ở tại thửa số 300 tờ bản đồ số 18, thôn Đ, xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình, đất đã được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 0***** ngày 15/9/2016 mang tên ông Lê Nhật Th và bà Đỗ Thị H có giá trị 74.250.000 (bảy mươi tư triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản có trên diện tích đất, gồm: lán lợp proximang, bờ ao, lưới B40 có giá trị 69.059.000 (sáu mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Ông Th có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà H là 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng. Tổng giá trị tài sản bà H được chia là 403.309.000 (bốn trăm linh ba triệu ba trăm linh chín nghìn) đồng.

Đối với bếp, mái tôn, sân bê tông do bà Lê Thị H1 xây dựng trên đất ông Th được quyền sử dụng, ông Th và bà H và bà H1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về nợ chung: ông Th bà H, bà Th1, chị L đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về chi phí tố tụng: ông Th và bà H tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí: ông Lê Nhật Th là người cao tuổi được miễn toàn bộ: án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Bà Đỗ Thị H phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 10.066.000 (mười triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng án phí chia tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Kiến Xương;
- Chi cục THA h. Kiến Xương;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ